

TỰ CHỦ TÀI CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN ĐỔI MỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

FINANCIAL AUTONOMY TO IMPLEMENT INNOVATION IN HIGHER EDUCATION

VŨ QUANG, vuquang@iemh.edu.vn

Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 02/8/2023 Ngày nhận lại: 12/8/2023 Duyệt đăng: 10/9/2023 Mã số: TCKH-S03T9-B11-2023 ISSN: 2354 – 0788</p> <p>Từ khóa: Giáo dục đại học, tự chủ tài chính, đổi mới giáo dục đại học.</p> <p>Key words: Higher education, financial autonomy, higher educational innovation.</p>	<p><i>Tự chủ tài chính có thể giúp các trường đại học công lập tăng nguồn thu, từ đó trang bị cơ sở vật chất tốt hơn, nâng cao chất lượng đào tạo và đời sống viên chức, người lao động; đồng thời, giảm áp lực cho ngân sách nhà nước, nên đây sẽ là xu hướng tất yếu. Tuy nhiên, tự chủ tài chính đã gây không ít khó khăn cho người học, cơ sở giáo dục đại học cũng như cơ quan quản lý. Bài viết dưới đây trao đổi về vấn đề tự chủ tài chính trong giáo dục đại học, phân tích thực trạng và đề xuất một số biện pháp hỗ trợ các bên liên quan thực hiện tự chủ tài chính nhằm mang lại hiệu quả trong tiến trình thực hiện đổi mới giáo dục đại học.</i></p> <p>ABSTRACT <i>Financial autonomy can help public universities increase their revenue, thereby equipping them with better facilities, improving the quality of training and the lives of officials and employees; At the same time, it reduces pressure on the state budget, so this will be an inevitable trend. However, financial autonomy will cause many difficulties for learners, higher education institutions as well as management agencies. Therefore, it is necessary to find solutions to support stakeholders to achieve financial autonomy in the best possible way.</i></p>

1. Đặt vấn đề

Theo Tuyên bố về chuyển đổi giáo dục được thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh chuyển đổi giáo dục (Transforming Education Summit) do Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc chủ trì tháng 9/2022 tại New York, giáo dục đại học Việt Nam đã trên hành trình chuyển đổi 10 năm. Dù có bước tiến đáng kể, nhưng mục tiêu đến năm 2030 về “một hệ thống giáo dục đại

học mở, công bằng, bình đẳng, chất lượng, hiệu quả và phục vụ học tập suốt đời” còn đối diện với nhiều thách thức. Một trong nhiều thách thức đó liên quan đến chính sách và tài chính.

Được kỳ vọng sẽ tạo nên cuộc cách mạng toàn diện cho giáo dục đại học, đến nay, tự chủ đại học đã đạt một số kết quả đáng khích lệ, tạo bước chuyển biến tích cực cả về nhận thức lẫn công tác tổ chức thực hiện. Chuyển biến này

xuất phát từ đòi hỏi khách quan, xu thế phát triển của giáo dục đại học trên thế giới và được thúc đẩy bởi chủ trương, đường lối và chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết tâm đẩy mạnh tự chủ; xây dựng hệ thống văn bản triển khai thực hiện tự chủ theo tinh thần của Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; xây dựng được một số mô hình tự chủ hiệu quả, tạo tiền đề để triển khai sâu, rộng trên toàn hệ thống.

Theo khoản 11, Điều 4, Luật Giáo dục đại học (sửa đổi, bổ sung 2018) quyền tự chủ là quyền của cơ sở giáo dục đại học được: Tự xác định mục tiêu và lựa chọn cách thức thực hiện mục tiêu; Tự quyết định và có trách nhiệm giải trình về hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản và hoạt động khác trên cơ sở quy định của pháp luật và năng lực của cơ sở giáo dục đại học (Quốc hội, 2018.a).

Cụ thể, các quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học bao gồm:

- Quyền tự chủ trong học thuật, trong hoạt động chuyên môn bao gồm ban hành, tổ chức thực hiện tiêu chuẩn, chính sách chất lượng, mở ngành, tuyển sinh, đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật.

- Quyền tự chủ trong tổ chức và nhân sự bao gồm ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về cơ cấu tổ chức, cơ cấu lao động, danh mục, tiêu chuẩn, chế độ của từng vị trí việc làm; tuyển dụng, sử dụng và cho thôi việc đối với giảng viên, viên chức và người lao động khác, quyết định nhân sự quản trị, quản lý trong cơ sở giáo dục đại học phù hợp với quy định của pháp luật.

- Quyền tự chủ trong tài chính và tài sản bao gồm ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về nguồn thu, quản lý và sử dụng nguồn tài chính, tài sản; thu hút nguồn vốn đầu

tư phát triển; chính sách học phí, học bổng cho sinh viên và chính sách khác phù hợp (Quốc hội, 2018.a).

Trong các nội dung tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam thì tự chủ tài chính có tác động tích cực, giúp tăng cường nguồn lực tài chính phát triển các cơ sở giáo dục đại học công lập. Không chỉ giúp đa dạng hóa nguồn thu, các chính sách về tự chủ giúp sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính thông qua các cơ chế trao quyền và giám sát hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học công lập.

Tuy nhiên, trong giai đoạn vừa qua, vấn đề tự chủ tài chính của các cơ sở giáo dục đại học trong thực tế còn có nhiều khúc mắc, chưa phát huy được tính năng động, sáng tạo trong quá trình thực hiện. Cần thiết xem xét, đánh giá, đối sánh các quy định về tự chủ tài chính trong thực tế để hiểu rõ hơn về thực trạng và đề xuất hướng giải quyết để các cơ sở giáo dục đại học tự chủ tài chính hiệu quả.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vấn đề tự chủ tài chính trong giáo dục đại học

Trên thế giới, khái niệm tự chủ đại học gắn liền với sự thay đổi mối quan hệ giữa nhà nước và trường đại học theo xu hướng phát huy truyền thống đại học là tự do học thuật và mở rộng tự chủ tổ chức, tự chủ tài chính và tự chủ nhân sự. Xu hướng thay đổi cơ bản là phát huy truyền thống tự do học thuật và giảm dần sự kiểm soát trực tiếp của các cơ quan công quyền đối với trường đại học. Từ góc độ này, tự chủ đại học là quyền tự do của thể chế đại học trong việc ra quyết định và thực thi các quyết định đối với các hoạt động nội bộ của đại học mà không có sự kiểm soát hay can thiệp của nhà nước và bất kỳ sự ảnh hưởng nào, nếu có của nhà nước cũng đều phải dựa trên cơ sở pháp luật. Tự chủ đại học là tự chủ thể chế đại học với nghĩa là tự chủ của trường đại học và tự chủ này được thể chế hóa bởi hệ thống các

chính sách, pháp luật của nhà nước điều chỉnh trong lĩnh vực này.

Ở Việt Nam, khái niệm “tự chủ” mới xuất hiện và phát triển trong quá trình đổi mới quản lý nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học theo tinh thần xã hội hóa bảo đảm thống nhất, kỷ cương quản lý nhà nước vừa phân cấp quản lý, tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của trường đại học và thu hút sự tham gia của các bên liên quan. Tự chủ đại học ở Việt Nam là tự chủ theo quy định pháp luật, gắn với tự chịu trách nhiệm và được thể chế hóa từng phần trong từng lĩnh vực hoạt động của các cơ sở đại học.

Khoản 3, Điều 20, Luật Giáo dục đại học quy định hiệu trưởng trong các cơ sở giáo dục đại học là chủ tài khoản thực hiện các hoạt động tài chính theo quy định của pháp luật. Cụ thể, thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm công khai, minh bạch về tài chính theo quy định của pháp luật (Quốc hội, 2018.a).

Khoản 1, Điều 67. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học quy định việc quản lý và sử dụng tài sản của cơ sở giáo dục đại học như sau: “Tài sản của cơ sở giáo dục đại học công lập được quản lý, sử dụng theo nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản công. Cơ sở giáo dục đại học được sử dụng tài sản công vào việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật nhằm mục đích phát triển giáo dục đại học, theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển, phù hợp với môi trường giáo dục” (Quốc hội, 2018). Như vậy, quy định này cho phép các cơ sở giáo dục đại học được phép sử dụng tài sản công vào việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết nhằm mục đích phát triển giáo dục đại học. Điều này cho thấy sự tự chủ không chỉ trong lĩnh vực tài chính, mà bao gồm cả tài sản.

Khoản 2, Điều 32, Văn bản hợp nhất số 42/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 nêu điều kiện thực hiện quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học được quy định như sau:

Đã thành lập hội đồng trường, hội đồng đại học; đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp;

Đã ban hành và tổ chức thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động; quy chế tài chính; quy chế, quy trình, quy định quản lý nội bộ khác và có chính sách bảo đảm chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn do Nhà nước quy định;

Thực hiện phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đến từng đơn vị, cá nhân trong cơ sở giáo dục đại học;

Công khai điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả kiểm định, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và thông tin khác theo quy định của pháp luật (Quốc hội, 2018.b).

Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập đã cụ thể hóa được những nội dung của tự chủ tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Cụ thể đối với các cơ sở giáo dục đại học như sau:

Về sử dụng nguồn tài chính: Chi học bổng khuyến khích học tập, miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh sinh viên... Chi đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học công nghệ và được hạch toán vào chi phí hợp lý của đơn vị.

Về phân phối kết quả tài chính trong năm: Các cơ sở giáo dục đại học tự hạch toán các khoản chi, chủ động tài chính để đạt hiệu quả trong giáo dục đào tạo thông qua tinh giảm biên chế để tạo nguồn tài chính, nâng cao thu nhập cho cán bộ, giảng viên, nhân viên, sử dụng kết quả hoạt động tài chính để lập các quỹ như quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ dự phòng....

Việc phân phối kết quả tài chính trong năm, các đơn vị có mức độ tự chủ khác nhau cũng được quy định rõ mức trích lập các quỹ khác nhau, đồng thời mức trích cụ thể và quy trình sử dụng các quỹ do Hiệu trưởng quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với

quy định của pháp luật và phải công khai tại đơn vị.

Yêu cầu tự chủ tài chính: Quản lý tài chính và tự chủ tài chính yêu cầu các cơ sở giáo dục đại học phải thực hiện thu chi theo đúng quy định của pháp luật. Đối với các khoản thu, phải tổ chức thu theo đúng chính sách của nhà nước quy định, đúng phạm vi và tiêu chuẩn thu, có sử dụng chứng từ thu hợp lệ. Đối với các khoản chi, phải chấp hành các phạm vi chi tiêu và tiêu chuẩn chi tiêu, quản lý chi tiêu chặt chẽ, minh bạch, và tuân theo nguyên tắc chi tiết kiệm.

Trong tự chủ tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học phải đảm bảo cả hai nội dung là quyền hạn và trách nhiệm. Các trường ĐH cần được giao quyền hạn rõ ràng, được phân bổ các nguồn lực phù hợp để cung cấp dịch vụ giáo dục đào tạo một cách rõ ràng và hiệu quả. Cùng với quyền hạn được giao, các cơ sở giáo dục đại học cần phải được giao trách nhiệm cụ thể trong việc thực hiện các dịch vụ đào tạo và nghiên cứu với chất lượng như đã cam kết.

Về mức độ tự chủ tài chính: Nghị định số 60/2021/NĐ-CP phân loại mức độ tự chủ tài chính thành 4 nhóm:

Nhóm 1: Tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư là những cơ sở giáo dục đại học có mức tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên bằng hoặc lớn hơn 100%; có mức tự bảo đảm chi đầu tư bằng hoặc lớn hơn mức trích khấu hao và hao mòn tài sản cố định của đơn vị hoặc đơn vị cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước, giá dịch vụ sự nghiệp công xác định theo cơ chế thị trường, có tính đủ khấu hao tài sản cố định và có tích lũy dành chi đầu tư.

Nhóm 2: Tự bảo đảm chi thường xuyên là những cơ sở giáo dục đại học có mức tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên bằng hoặc lớn hơn 100% và chưa tự bảo đảm chi đầu tư từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp. Nguồn thu phí được để lại chi theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí, các nguồn tài

chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và những đơn vị thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, được Nhà nước đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí.

Nhóm 3: Tự bảo đảm một phần chi thường xuyên là đơn vị có mức tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên từ 10% đến dưới 100%, được Nhà nước đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí và được chia thành 3 mức độ: Đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên; Đơn vị tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên; Đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên.

Nhóm 4: Cơ sở giáo dục đại học do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên là những đơn vị sự nghiệp công có mức tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên dưới 10% và những đơn vị sự nghiệp công không có nguồn thu sự nghiệp (Chính phủ, 2021.a)

2.2. Thực trạng tự chủ tài chính của các cơ sở giáo dục đại học công lập

Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, tự chủ trong giáo dục đại học bắt đầu từ năm 1993 khi thành lập Đại học Quốc gia Hà Nội là mô hình tự chủ cao thực hiện theo quy định của Chính phủ. Những năm trước, các trường đại học công lập được giao tự chủ nhưng phải tuân thủ mức trần học phí do Nhà nước quy định. Năm 2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân quy định rõ mức thu đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập theo các mức độ tự chủ.

Theo báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), tính đến 30/6/2022, cả nước có 154/170 cơ sở giáo dục đại học công lập đã thành lập hội đồng trường theo Luật số 34 /2018/QH14 và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP. Như vậy, số hội đồng trường thành lập theo quy định đạt

90,6%. Việc thành lập hội đồng trường tại các trường trực thuộc các bộ, ngành, địa phương đạt tỉ lệ 91,18%.

Nghiên cứu cho thấy, đa số các trường thực hiện tự chủ ở mức độ toàn diện và sâu rộng đều đã mang lại hiệu quả tích cực (trên 77%). Trên 80% các trường trả lời khảo sát về việc triển khai tự chủ toàn diện, sâu rộng về tuyển sinh và đào tạo dẫn đến các kết quả đạt được tích cực (trên 85%). Trên 65% các trường trả lời khảo sát triển khai tự chủ toàn diện, sâu rộng về hoạt động khoa học và công nghệ, các kết quả đạt được tích cực (trên 80%). Các cơ sở giáo dục đại học tự chủ đã chủ động rà soát, kiện toàn lại tổ chức bộ máy và nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Tự chủ đại học cũng giúp các cơ sở giáo dục đại học đẩy mạnh quá trình xã hội hóa giáo dục, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm đáp ứng đầy đủ hơn điều kiện giảng dạy và nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2022).

Về nâng cao năng lực tài chính của cơ sở, từ năm 2018 đến năm 2021, tổng thu của các cơ sở giáo dục đại học tự chủ đa phần tăng lên, tổng thu ngoài ngân sách Nhà nước cấp chi thường xuyên cũng tăng; thu nhập bình quân tăng 20,8% đối với giảng viên và 18,7% đối với cán bộ quản lý. Giảng viên thu nhập trên 200 triệu đồng/năm tăng từ 19,4% lên 31,34%; thu nhập trên 300 triệu đồng trở lên tăng từ 0,75% lên 5,97% sau 3 năm thực hiện tự chủ (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2022).

Số liệu thống kê cho thấy, quy mô tuyển sinh sinh viên hệ đại trà có xu hướng giảm, tăng quy mô tuyển sinh các chương trình đào tạo tiên tiến, đào tạo chất lượng cao, liên kết đào tạo với nước ngoài và đào tạo bằng tiếng Anh. Đổi mới thi và tuyển sinh trung thực, khách quan nhưng nhẹ nhàng, giảm áp lực, tốn kém. Từ năm 2019-2021, các trường có nhiều phương thức để tuyển sinh.

Về khoa học và công nghệ, số lượng bài báo quốc tế trong danh mục Web of Science

(WoS) tăng thêm 3,5 lần sau 4 năm; số bài báo trong danh mục SCOPUS của các cơ sở giáo dục đại học tăng thêm hơn 4 lần. Sản phẩm của các đề tài, dự án, chương trình khoa học và công nghệ cấp bộ của các đơn vị trực thuộc Bộ đã tăng đáng kể trong các năm qua, trung bình 25%/năm.

Một số cơ sở giáo dục đại học đã gặt hái được thành công thông qua kết quả về xếp hạng đại học ở các tổ chức xếp hạng uy tín trên thế giới. Năm 2022, Tổ chức giáo dục Quacquarelli Symonds (QS) công bố Bảng xếp hạng các trường đại học theo lĩnh vực. Ở lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ, Việt Nam có 5 đại học được xếp hạng cao trong top 500 thế giới; lĩnh vực kinh doanh và kinh tế theo Bảng xếp hạng Times Higher Education, Việt Nam có 2 đại diện; lĩnh vực khoa học xã hội, Việt Nam có 3 đại diện.

Khảo sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2022-2023 đối với 232 cơ sở giáo dục đại học cho thấy: Có 32,76% số trường đại học đã tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 13,79% số trường tự bảo đảm chi thường xuyên; 7,33% số trường có kế hoạch sẽ tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 9,05% số trường có kế hoạch sẽ tự bảo đảm chi thường xuyên; 33,62% số trường hiện đang tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và chưa có kế hoạch khác; 3,45% số trường đang được ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và chưa có kế hoạch khác.

Phần lớn các trường tích cực triển khai tự chủ tài chính đã thu được những kết quả tích cực; một số trường bước đầu tự chủ tài chính cho nên kết quả chưa đáng kể. Trong đó, tự chủ về học phí và quy chế tài chính, chi tiêu nội bộ tạo thuận lợi trong triển khai và mang lại tác động tích cực cho các trường.

Tuy nhiên, thống kê số liệu quyết toán giai đoạn 2016-2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các trường trực thuộc cho thấy, về cơ bản, nguồn thu chi cho con người (bao gồm cả chi

thu nhập tăng thêm và chi vượt giờ) chiếm tỷ trọng hơn 50% trong tổng chi sự nghiệp giáo dục đào tạo đại học và sau đại học; chi đầu tư cơ sở vật chất chiếm tỷ trọng 7%; chi chế độ cho học sinh, sinh viên chiếm tỷ trọng khoảng 4%, chi trích lập các quỹ chiếm tỷ trọng 10%; chi đào tạo khác chiếm tỷ trọng khoảng 25%-26%.

Với cơ cấu chi nêu trên cho thấy do nguồn kinh phí của các trường còn hạn hẹp, chủ yếu dành để chi trả cho nhân sự, chi tăng cường điều kiện dạy và học chiếm tỷ trọng thấp sẽ khó có điều kiện nâng cao chất lượng dạy và học. Bên cạnh đó, tự chủ về quản lý tài sản công, quản lý đầu tư công và khai thác, sử dụng các nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước còn chưa thuận lợi.

Hiện nay còn đang thiếu các quy định trong cơ chế quản lý đầu tư nguồn vốn từ ngân sách nhà nước vào các việc: Xây dựng cơ sở vật chất tại các trường đại học như một kênh đầu tư có thu hồi vốn; tự chủ và chịu trách nhiệm trong việc lập kế hoạch và quyết định sử dụng kinh phí từ các nguồn thu hợp pháp để đầu tư cơ sở vật chất theo quy định; tự chủ đầu tư, vay vốn tín dụng ưu đãi của ngân hàng hoặc huy động các nguồn tài chính khác để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng...

Theo PGS, TS Bùi Anh Tuấn, Hiệu trưởng Trường đại học Ngoại thương, quá trình tự chủ tài chính, trường đã hoàn thiện và xây dựng mới các văn bản quản lý tài chính; đa dạng hóa nguồn thu phục vụ phát triển giáo dục; gia tăng tích lũy cho phát triển bền vững. Đáng chú ý, trường đã chủ động xây dựng kế hoạch tài chính trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; xây dựng và thực thi hiệu quả chính sách hỗ trợ tài chính cho người học và cải thiện thu nhập của viên chức, người lao động.

Tuy nhiên, thực tế tự chủ ở Trường đại học Ngoại thương cho thấy giai đoạn đầu thực hiện, các quy định liên quan tới tự chủ tài chính còn thiếu và được ban hành chậm hơn so với thực tiễn, nhiều quy định còn chồng chéo, cùng

một lúc chịu ảnh hưởng trực tiếp của nhiều luật và văn bản quy phạm pháp luật khác nhau. Mặc dù, hiện nay Trường đại học Ngoại thương đã xây dựng các dự án phát triển khuôn viên nhưng do cơ chế về huy động nguồn lực bên ngoài còn nhiều điểm chưa rõ ràng cho nên tiến độ triển khai còn chậm...

Vì vậy, từ thực tiễn triển khai tự chủ của đơn vị cho thấy: Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước cần thực hiện rà soát các văn bản ảnh hưởng trực tiếp tới việc thực thi cơ chế tự chủ tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học. Mặt khác, cần có quỹ đầu tư phát triển cho vay để đầu tư phát triển dài hạn giúp các trường đầu tư cho phát triển nhất là về cơ sở hạ tầng.

Đại diện Trường đại học Trà Vinh cho rằng, cơ chế tự chủ tài chính hiện nay còn thiếu tính đồng bộ để tạo môi trường tốt cho các cơ sở giáo dục đại học phát triển. Các cơ sở giáo dục đại học công lập tuy đã được giao tự chủ tài chính chi thường xuyên và đầu tư, song trên thực tế hoạt động vẫn đang tuân thủ và là đối tượng điều chỉnh của nhiều luật, các nghị định và văn bản quy phạm pháp luật khác.

Trường đại học Trà Vinh được phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động thì được quyết định việc sử dụng tài sản, cơ sở vật chất và giá trị thương hiệu để liên doanh, liên kết thực hiện các hoạt động khoa học-công nghệ, tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp nhưng khi thực hiện thì cơ quan chuyên môn địa phương yêu cầu phải làm đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của nhiều quy định khác nhau... Vì vậy, Chính phủ cần có Nghị định riêng đối với các trường công lập tự chủ, trên cơ sở tích hợp các văn bản pháp luật có liên quan nhằm thống nhất cách nhìn nhận của các cơ quan quản lý nhà nước, tránh chồng chéo.

Vụ trưởng Giáo dục Đại học (Bộ Giáo dục và Đào tạo) Nguyễn Thu Thủy cho biết, giai đoạn 2022-2026, ngành giáo dục định hướng trọng tâm đẩy mạnh nhận thức, quan điểm về tự

chủ đại học theo đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn, đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn của Đảng và Nhà nước. Việc tự chủ trong giáo dục đại học cần hoàn thiện và triển khai các cơ chế, chính sách đầu tư, chi ngân sách của Nhà nước đối với giáo dục đại học.

2.3. Một số biện pháp thực hiện tự chủ tài chính để đổi mới giáo dục đại học

Thứ nhất, hoàn thiện, thống nhất nội dung của một số văn bản và cách hiểu khác nhau giữa Bộ, ngành liên quan đến các quy định trong cơ sở giáo dục đại học. Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các bộ ngành liên quan nhất như Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính có thể pháp điển hóa, thống nhất điều chỉnh nội dung các văn bản cho phù hợp với Luật 34/2018/QH14 và đặc thù viên chức công tác trong các cơ sở giáo dục đại học. Việc này sẽ tháo gỡ được nếu có sự quyết tâm cao của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo để dần dần đồng bộ hoá được hệ thống văn bản nhằm thực hiện thống nhất.

Thứ hai, thực hiện quyền tự chủ đại học đúng nghĩa và thực chất; mạnh dạn xoá bỏ cơ chế bộ, cơ quan chủ quản và cơ chế xin cấp phép, loại bỏ sự can thiệp có tính hành chính từ phía cơ quan quản lý nhà nước đối với các trường đại học tự chủ.

Thứ ba, tìm kiếm nguồn lực từ đám đông để có được các ý tưởng sáng tạo, dịch vụ đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục đại học và hội nhập quốc tế. Ngày nay, khi thông tin gia tăng theo hàm số mũ và tri thức nhân loại tăng gấp đôi từng ngày thì nguồn lực ý tưởng sẽ rất dồi dào, quan trọng. Vì thế đã hình thành, phát triển một phương thức khai thác nguồn lực ý tưởng này, đó là crowdsourcing (tạm dịch là tìm kiếm nguồn lực từ đám đông). Thay vì cách truyền thống là huy động trí tuệ vốn chỉ giới hạn trong đơn vị, thì chuyển sang huy động trí tuệ rộng lớn bên ngoài thông qua mạng Internet. Từ “Crowdsourcing” được đặt ra vào năm 2005 và là từ ghép của từ Crowd và Outsourcing. Đây là một mô hình tìm nguồn

cung ứng sử dụng sự đóng góp của những người khác nhau trên Internet để có được các dịch vụ hoặc ý tưởng. Crowdsourcing là quá trình nhận công việc hoặc tài trợ từ một nhóm lớn người trong môi trường trực tuyến, mặc dù nó đã tồn tại ngay cả trước khi Internet ra đời. Nhưng Internet là thứ đã làm cho nó trở thành hiện tượng như ngày nay. Việc sử dụng crowdsourcing trong phát huy năng lực tự chủ tài chính của các cơ sở đại học đó là việc cách thức để giải quyết vấn đề làm thế nào để chi phí thấp mà đạt hiệu quả cao trong đào tạo, nghiên cứu khoa học. Đó là sự tối ưu hoá hoạt động đào tạo thông qua trao đổi và chia sẻ tài liệu giảng dạy, nghiên cứu. Các cơ sở giáo dục đại học tăng cường liên kết với các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài thông qua việc sử dụng chương trình, tài liệu, đội ngũ giảng viên, thực tập tại nước ngoài.

Thứ tư, nâng cao năng lực quản trị, quản lý cho đội ngũ viên chức quản lý đáp ứng yêu cầu tự chủ, trách nhiệm giải trình. Cần lựa chọn được đội ngũ lãnh đạo, quản lý năng động, có quyết tâm cao trong đổi mới, tự chủ tại các cơ sở đào tạo đại học khi thực hiện Luật 34/2018/QH14. Đây là vấn đề rất quan trọng. Thực tế cho thấy trong giai đoạn đầu của quá trình thực hiện tự chủ đại học, vẫn còn đâu đó tư duy quản trị, quản lý vẫn theo nếp cũ nên chưa phát huy hết nội lực, tận dụng hết vai trò của các bên liên quan trong quá trình xây dựng, phát triển Nhà trường theo định hướng đổi mới giáo dục đại học.

3. Kết luận

Trường đại học hoạt động với tính tự chủ tự chịu trách nhiệm cao là mô hình và cơ chế phổ biến trên khắp thế giới. Quá trình thực hiện tự chủ đại học nói chung và tự chủ tài chính nói riêng là một phần của quá trình đổi mới giáo dục đại học. Thời gian qua, tự chủ đại học đã có nhiều chuyển biến tích cực nhưng cũng còn tồn tại nhiều bất cập liên quan đến thể chế, tư duy, cách thực hiện trong môi trường luôn có

nhiều biến động. Những điểm chông chéo, thiếu đồng bộ và nhất quán trong hệ thống văn bản; những thói quen cũ, cách nghĩ cũ, tư duy cũ; sự chia sẻ và đón nhận thông tin từ xã hội chưa đồng bộ và tương thích... là những điểm

ngăn, gây ách tắc cần kịp thời tháo gỡ bằng các biện pháp hữu hiệu. Để giải quyết những vấn đề này cần có sự hợp tác chặt chẽ, đồng bộ của các bên liên quan nhằm rộng đường cho giáo dục đại học Việt Nam cất cánh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục đào tạo (2022). *Báo cáo tổng kết năm học 2021- 2022*, Hà Nội.

Chính phủ (2019). *Nghị định số 99/2019/NĐ-CP* của Chính phủ: Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học

Chính phủ (2021.a). *Nghị định 60/2021/NĐ-CP Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập*.

Chính phủ (2021.b). *Nghị định số 81/2021/NĐ-CP Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo*.

Phuong Liên (2022), *Tự chủ đại học: Cuộc cách mạng đổi mới giáo dục đại học*, <https://baochinhphu.vn/tu-chu-dai-hoc-cuoc-cach-mang-doi-moi-giao-duc-daihoc102220804101158725.htm>

https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/tin-botaichinh?dDocName=MOFUCM149207

Quốc hội (2018.a). *Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học*.

Quốc hội (2018.b). *Văn bản hợp nhất số 42/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 ban hành Luật Giáo dục đại học*.